

Số: 21 /2025/QĐ-UBND

Thái Bình, ngày 03 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Số lượng Tổ bảo vệ an ninh, trật tự và số lượng thành viên
Tổ bảo vệ an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh Thái Bình**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở ngày 28 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 1201/NQ-UBTVQH15 ngày 28/9/2024 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Thái Bình giai đoạn 2023-2025;

Căn cứ Nghị định số 40/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở;

Căn cứ Thông tư số 14/2024/TT-BCA ngày 22 tháng 4 năm 2024 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở;

Căn cứ Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình khoá XVII quy định tiêu chí thành lập Tổ bảo vệ an ninh, trật tự, tiêu chí số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự và chế độ chính sách cho thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh Thái Bình;

Theo đề nghị của Công an tỉnh tại Tờ trình số 551/TTr-CAT-PV01 ngày 23/01/2025 và Văn bản số 947/BC-CAT-PV01 ngày 25/02/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Số lượng Tổ bảo vệ an ninh, trật tự và số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh Thái Bình như sau:

- Thành phố Thái Bình : 115 tổ, 421 thành viên;
- Huyện Đông Hưng : 133 tổ, 416 thành viên;
- Huyện Hưng Hà : 141 tổ, 451 thành viên;
- Huyện Kiến Xương : 126 tổ, 396 thành viên;
- Huyện Quỳnh Phụ : 136 tổ, 427 thành viên;

6. Huyện Thái Thụy : 134 tổ, 429 thành viên;
 7. Huyện Tiền Hải : 106 tổ, 340 thành viên;
 8. Huyện Vũ Thư : 119 tổ, 377 thành viên.

Số lượng các Tổ bảo vệ an ninh, trật tự và số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự tại các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Thái Bình tại các Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân huyện, thành phố chỉ đạo Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn căn cứ Điều 1 Quyết định này rà soát, ban hành quyết định thành lập Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; quyết định công nhận thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự trên địa bàn quản lý.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu do yêu cầu bảo đảm an ninh, trật tự hoặc thành lập, giải thể, nhập, chia thôn, tổ dân phố, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn có trách nhiệm báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân huyện, thành phố tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Công an tỉnh) ban hành quyết định điều chỉnh số lượng Tổ bảo vệ an ninh, trật tự và số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15/3/2025

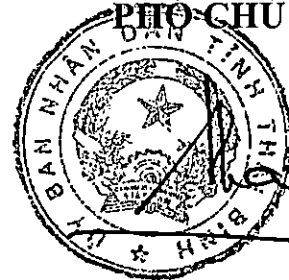
2. Quyết định này bãi bỏ Quyết định số 26/2024/QĐ-UBND ngày 16/8/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định số lượng Tổ bảo vệ an ninh, trật tự và số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh Thái Bình và Văn bản số 4077/UBND-NCKS ngày 18/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đính chính số liệu tại Quyết định số 26/2024/QĐ-UBND ngày 16/8/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Công an tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

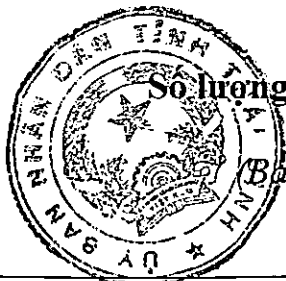
Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ;
- Bộ Công an;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Ủy ban nhân dân huyện, thành phố;
- Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn;
- Báo Thái Bình; Công báo tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NCKS.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
 KT. CHỦ TỊCH
 PHÓ CHỦ TỊCH



Lại Văn Hoàn



Phụ lục 1

Số lượng các Tổ bảo vệ an ninh, trật tự và số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự tại các xã, phường trên địa bàn thành phố Thái Bình

(Ban hành kèm theo Quyết định số 21 /2025/QĐ-UBND ngày 03 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình)

STT	Tên xã, phường	Tổng số thôn, tổ dân phố	Số Tổ thành lập theo điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND		Số Tổ thành lập theo điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND		Số Tổ thành lập theo điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND	
			Số Tổ bảo vệ ANTT	Số thành viên	Số Tổ bảo vệ ANTT	Số thành viên	Số Tổ bảo vệ ANTT	Số thành viên
1.	Phường Bồ Xuyên	15			6	24	1	4
2.	Phường Đề Thám	11			4	16	1	4
3.	Phường Hoàng Diệu	13	1	4	6	24		
4.	Phường Kỳ Bá	22			11	44		
5.	Phường Lê Hồng Phong	7			2	8	1	4
6.	Phường Phú Khánh	9			3	12	1	4
7.	Phường Quang Trung	19	1	4	9	36		
8.	Phường Tiên Phong	17			7	28	1	4
9.	Phường Trần Hưng Đạo	12			6	24		
10.	Phường Trần Lãm	23	1	4	11	44		
11.	Xã Đông Hoà	7	3	9	2	6		
12.	Xã Đông Mỹ	5	3	9	1	3		
13.	Xã Đông Thọ	6			3	9		
14.	Xã Phú Xuân	10	2	6	4	12		
15.	Xã Tân Bình	5	3	9	1	3		
16.	Xã Vũ Chính	14			7	21		
17.	Xã Vũ Đông	8	1	3	2	6	1	4
18.	Xã Vũ Lạc	7	4	12			1	4
19.	Xã Vũ Phúc	8	1	3	2	6	1	4



Phụ lục 2

Số lượng các Tổ bảo vệ an ninh, trật tự và số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Đông Hưng
(Ban hành kèm theo Quyết định số 21/2025/QĐ-UBND ngày 03 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình)

STT	Tên xã, thị trấn	Tổng số thôn, tổ dân phố	Số Tổ thành lập theo điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND		Số Tổ thành lập theo điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND		Số Tổ thành lập theo điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND	
			Số Tổ bảo vệ ANTT	Số thành viên	Số Tổ bảo vệ ANTT	Số thành viên	Số Tổ bảo vệ ANTT	Số thành viên
1.	Thị trấn Đông Hưng	5			1	4	1	4
2.	Xã Đông Á	7			2	6	1	4
3.	Xã Đông Các	6	2	6	2	6		
4.	Xã Đông Cường	6	2	6	2	6		
5.	Xã Đông Dương	4			2	6		
6.	Xã Đông Hoàng	5	1	3	2	6		
7.	Xã Đông Hợp	4			1	3	1	4
8.	Xã Đông Kinh	4	2	6			1	4
9.	Xã Đông La	7	4	12			1	4
10.	Xã Đông Phương	7	1	3	3	9		
11.	Xã Đông Quan	12			6	18		
12.	Xã Đông Sơn	5	5	15				
13.	Xã Đông Tân	4	2	6			1	4
14.	Xã Đông Vinh	9			3	9	1	4
15.	Xã Đông Xá	4	2	6	1	3		
16.	Xã Hà Giang	11			4	12	1	4
17.	Xã Hồng Bạch	9			3	9	1	4
18.	Xã Hồng Giang	7			2	6	1	4

19.	Xã Hồng Việt	6			3	9		
20.	Xã Liên Hoa	9			3	9	1	4
21.	Xã Lô Giang	4	2	6	1	3		
22.	Xã Mê Linh	7	1	3	3	9		
23.	Xã Minh Phú	8	3	9	1	3	1	4
24.	Xã Minh Tân	5	1	3	2	6		
25.	Xã Nguyên Xá	8			4	12		
26.	Xã Phú Châu	4	2	6			1	4
27.	Xã Phú Lương	5	3	9	1	3		
28.	Xã Thăng Long	4	1	3			1	4
29.	Xã Trọng Quan	7	1	3	3	9		
30.	Xã Liên An Đô	14	6	18	4	12		
31.	Xã Phong Dương Tiên	14	3	9	4	12	1	4
32.	Xã Xuân Quang Động	18	5	15	5	15	1	4



Phụ lục 3

Số lượng các Tổ bảo vệ an ninh, trật tự và số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Hưng Hà
(Ban hành kèm theo Quyết định số 21 /2025/QĐ-UBND ngày 02 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình)

STT	Tên xã, thị trấn	Tổng số thôn, tổ dân phố	Số Tổ thành lập theo điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND		Số Tổ thành lập theo điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND		Số Tổ thành lập theo điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND	
			Số Tổ bảo vệ ANTT	Số thành viên	Số Tổ bảo vệ ANTT	Số thành viên	Số Tổ bảo vệ ANTT	Số thành viên
1.	Thị trấn Hưng Hà	10			5	20		
2.	Thị trấn Hưng Nhân	14	1	4	5	20	1	4
3.	Xã Bắc Sơn	5	2	6			1	4
4.	Xã Canh Tân	6			3	9		
5.	Xã Chí Hòa	6	2	6	2	6		
6.	Xã Chi Lăng	7			2	6	1	4
7.	Xã Cộng Hòa	11			4	12	1	4
8.	Xã Đoàn Hùng	5	3	9	1	3		
9.	Xã Độc Lập	6	1	3	1	3	1	4
10.	Xã Đông Đô	5	3	9			1	4
11.	Xã Duyên Hải	8	3	9	1	3	1	4
12.	Xã Hòa Bình	4			2	6		
13.	Xã Hòa Tiến	12	2	6	5	15		
14.	Xã Hồng An	9			3	9	1	4
15.	Xã Hồng Lĩnh	5			1	3	1	4
16.	Xã Hồng Minh	10	1	3	3	9	1	4
17.	Xã Kim Trung	7	3	9	2	6		
18.	Xã Liên Hiệp	6	1	3	1	3	1	4

19.	Xã Minh Hòa	6	2	6	2	6		
20.	Xã Minh Khai	6	1	3	1	3	1	4
21.	Xã Minh Tân	6	1	3	1	3	1	4
22.	Xã Phúc Khánh	6			3	9		
23.	Xã Tân Hòa	6	2	6	2	6		
24.	Xã Tân Lễ	10	4	12	3	9		
25.	Xã Tân Tiến	3	3	9				
26.	Xã Tây Đô	8			4	12		
27.	Xã Thái Hưng	6			3	9		
28.	Xã Thái Phương	8	2	6	2	6	1	4
29.	Xã Thống Nhất	9			3	9	1	4
30.	Xã Tiến Đức	8	2	6	3	9		
31.	Xã Văn Cẩm	5	1	3	2	6		
32.	Xã Văn Lang	6	1	3	1	3	1	4
33.	Xã Quang Trung	22	5	15	7	21	1	4



Phụ lục 3

Số lượng các Tổ bảo vệ an ninh, trật tự và số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Kiến Xương
(Ban hành kèm theo Quyết định số 21 /2025/QĐ-UBND ngày 03 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình)

STT	Tên xã, thị trấn	Tổng số thôn, tổ dân phố	Số Tổ thành lập theo điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND		Số Tổ thành lập theo điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND		Số Tổ thành lập theo điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND	
			Số Tổ bảo vệ ANTT	Số thành viên	Số Tổ bảo vệ ANTT	Số thành viên	Số Tổ bảo vệ ANTT	Số thành viên
1.	Thị trấn Kiến Xương	16	1	4	6	24	1	4
2.	Xã An Bình	4			2	6		
3.	Xã Bình Định	8	2	6	3	9		
4.	Xã Bình Minh	7	1	3	3	9		
5.	Xã Bình Nguyên	4	4	12				
6.	Xã Bình Thanh	4	2	6	1	3		
7.	Xã Hòa Bình	7			2	6	1	4
8.	Xã Hồng Thái	8			4	12		
9.	Xã Hồng Tiến	6			3	9		
10.	Xã Lê Lợi	11	1	3	5	15		
11.	Xã Minh Quang	10	2	6	4	12		
12.	Xã Minh Tân	6	1	3	1	3	1	4
13.	Xã Nam Bình	6	2	6	2	6		
14.	Xã Quang Bình	9	2	6	2	6	1	4
15.	Xã Quang Lịch	5	1	3	2	6		
16.	Xã Quang Minh	5	2	6			1	4
17.	Xã Quang Trung	5	3	9			1	4
18.	Xã Quốc Tuấn	7			2	6	1	4

19.	Xã Tây Sơn	13	1	3	6	18		
20.	Xã Thanh Tân	6			3	9		
21.	Xã Trà Giang	8			4	12		
22.	Xã Vũ An	5			1	3	1	4
23.	Xã Vũ Công	5			1	3	1	4
24.	Xã Vũ Lễ	5	2	6			1	4
25.	Xã Vũ Ninh	10			5	15		
26.	Xã Vũ Quý	5			1	3	1	4
27.	Xã Vũ Trung	8			4	12		
28.	Xã Thống Nhất	19	3	9	8	24		
29.	Xã Hồng Vũ	19	1	3	9	27		



Phụ lục 5

Số lượng các Tổ bảo vệ an ninh, trật tự và số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Quỳnh Phụ
(Ban hành kèm theo Quyết định số 11 /2025/QĐ-UBND ngày 03 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình)

STT	Tên xã, thị trấn	Tổng số thôn, tổ dân phố	Số Tổ thành lập theo điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND		Số Tổ thành lập theo điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND		Số Tổ thành lập theo điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND	
			Số Tổ bảo vệ ANTT	Số thành viên	Số Tổ bảo vệ ANTT	Số thành viên	Số Tổ bảo vệ ANTT	Số thành viên
1.	Thị trấn Quỳnh Côi	6			3	12		
2.	Thị trấn An Bài	12			6	24		
3.	Xã An Ấp	5			1	3	1	4
4.	Xã An Cầu	4	2	6	1	3		
5.	Xã An Đồng	6			3	9		
6.	Xã An Dục	5			1	3	1	4
7.	Xã An Hiệp	8			4	12		
8.	Xã An Khê	8	1	3	2	6	1	4
9.	Xã An Lễ	4	2	6			1	4
10.	Xã An Mỹ	6	4	12	1	3		
11.	Xã An Ninh	8			4	12		
12.	Xã An Quý	4	2	6	1	3		
13.	Xã An Thái	5	1	3	2	6		
14.	Xã An Thanh	4	2	6	1	3		
15.	Xã An Tràng	4	2	6	1	3		
16.	Xã An Vinh	8			4	12		
17.	Xã An Vũ	3	3	9				

18.	Xã Châu Sơn	9	3	9	3	9	9	
19.	Xã Đông Hải	8	2	6	3	9	9	
20.	Xã Đông Tiến	7	5	15	1	3		
21.	Xã Quỳnh Giao	5	2	6		1	4	
22.	Xã Quỳnh Hải	7	1	3	3	9		
23.	Xã Quỳnh Hoa	9	1	3	4	12		
24.	Xã Quỳnh Hoàng	12			6	18		
25.	Xã Quỳnh Hội	5	3	9	1	3		
26.	Xã Quỳnh Hồng	10	2	6	4	12		
27.	Xã Quỳnh Hưng	4	2	6	1	3		
28.	Xã Quỳnh Khê	4			2	6		
29.	Xã Quỳnh Lâm	4	1	3		1	4	
30.	Xã Quỳnh Minh	7			2	6	4	
31.	Xã Quỳnh Mỹ	6			3	9		
32.	Xã Quỳnh Ngọc	10	1	3	3	9	4	
33.	Xã Quỳnh Nguyên	5	3	9	1	3		
34.	Xã Quỳnh Thọ	7			2	6	4	
35.	Xã Trang Bảo Xá	13	4	12	3	9	4	



Phụ lục 6

Số lượng các Tổ bảo vệ an ninh, trật tự và số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Thái Thụy

(Ban hành kèm theo Quyết định số 21 /2025/QĐ-UBND ngày 03 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình)

STT	Tên xã, thị trấn	Tổng số thôn, tổ dân phố	Số Tổ thành lập theo điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND		Số Tổ thành lập theo điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND		Số Tổ thành lập theo điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND	
			Số Tổ bảo vệ ANTT	Số thành viên	Số Tổ bảo vệ ANTT	Số thành viên	Số Tổ bảo vệ ANTT	Số thành viên
1.	Thị trấn Diêm Điền	17	2	8	6	24	1	4
2.	Xã An Tân	9			3	9	1	4
3.	Xã Dương Hồng Thủy	10	1	3	3	9	1	4
4.	Xã Dương Phúc	9	1	3	4	12		
5.	Xã Hòa An	11			4	12	1	4
6.	Xã Hồng Dũng	10	1	3	3	9	1	4
7.	Xã Mỹ Lộc	7			2	6	1	4
8.	Xã Sơn Hà	10	2	6	4	12		
9.	Xã Tân Học	6			3	9		
10.	Xã Thái Đô	6			3	9		
11.	Xã Thái Giang	9			3	9	1	4
12.	Xã Thái Hưng	6	1	3	1	3	1	4
13.	Xã Thái Nguyên	5	1	3	1	3	1	4
14.	Xã Thái Phúc	7	1	3	3	9		
15.	Xã Thái Thịnh	6			3	9		
16.	Xã Thái Thọ	5	2	6			1	4
17.	Xã Thái Thượng	8			4	12		
18.	Xã Thái Xuyên	4			2	6		

19.	Xã Thuận Thành	9				3	9	1	4
20.	Xã Thủy Bình	3	1	3				1	4
21.	Xã Thủy Chính	3	1	3	1	1	3		
22.	Xã Thủy Dân	5			1	1	3	1	4
23.	Xã Thủy Duyên	4				2	6		
24.	Xã Thủy Hải	3	1	3				1	4
25.	Xã Thủy Hưng	5				1	3	1	4
26.	Xã Thủy Liên	9	2	6	2	2	6	1	4
27.	Xã Thủy Ninh	6	2	6	2	2	6		
28.	Xã Thủy Phong	10	1	3	3	3	9	1	4
29.	Xã Thủy Quỳnh	6	2	6	2	2	6		
30.	Xã Thủy Sơn	7	3	9	2	2	6		
31.	Xã Thủy Thanh	4	2	6	1	1	3		
32.	Xã Thủy Trinh	6	1	3	1	1	3	1	4
33.	Xã Thủy Trường	9	1	3	4	4	12		
34.	Xã Thủy Văn	7			2	2	6	1	4
35.	Xã Thủy Việt	5	1	3	2	2	6		
36.	Xã Thủy Xuân	8			4	4	12		



Phụ lục 7

Số lượng các Tổ bảo vệ an ninh, trật tự và số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Tiên Hải
(Ban hành kèm theo Quyết định số 21/2025/QĐ-UBND ngày 03 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình)

STT	Tên xã, thị trấn	Tổng số thôn, tổ dân phố	Số Tổ thành lập theo điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND		Số Tổ thành lập theo điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND		Số Tổ thành lập theo điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND	
			Số Tổ bảo vệ ANTT	Số thành viên	Số Tổ bảo vệ ANTT	Số thành viên	Số Tổ bảo vệ ANTT	Số thành viên
1.	Thị trấn Tiên Hải	14			7	28		
2.	Xã An Ninh	5	2	6			1	4
3.	Xã Bắc Hải	7	1	3	3	9		
4.	Xã Đông Cơ	4	2	6	1	3		
5.	Xã Đông Hoàng	7			2	6	1	4
6.	Xã Đông Lâm	4	2	6	1	3		
7.	Xã Đông Long	3	3	9				
8.	Xã Đông Minh	5	5	15				
9.	Xã Đông Trà	5	2	6			1	4
10.	Xã Đông Xuyên	4	2	6	1	3		
11.	Xã Nam Chính	5	1	3	2	6		
12.	Xã Nam Cường	3					1	4
13.	Xã Nam Hà	4	2	6			1	4
14.	Xã Nam Hải	9	1	3	4	12		
15.	Xã Nam Hồng	7	2	6	1	3	1	4
16.	Xã Nam Hưng	3	3	9				
17.	Xã Nam Phú	4	1	3			1	4
18.	Xã Nam Thịnh	5	2	6			1	4

19.	Xã Nam Trung	10	1	3	3	9	1	4
20.	Xã Phương Công	5	2	6			1	4
21.	Xã Tây Giang	5	2	6			1	4
22.	Xã Tây Lương	5	3	9	1	3		
23.	Xã Tây Ninh	4	2	6			1	4
24.	Xã Vân Trường	7	2	6	1	3	1	4
25.	Xã Vũ Lăng	5			1	3	1	4
26.	Xã Đông Quang	13	6	18	2	6	1	4
27.	Xã Ái Quốc	8	2	6	3	9		
28.	Xã Nam Tiến	13	1	3	6	18		



Phụ lục 8

Số lượng các Tổ bảo vệ an ninh, trật tự và số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Vũ Thư
(Ban hành kèm theo Quyết định số 21 /2025/QĐ-UBND ngày 03 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình)

STT	Tên xã, thị trấn	Tổng số thôn, tổ dân phố	Số Tổ thành lập theo điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND		Số Tổ thành lập theo điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND		Số Tổ thành lập theo điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND	
			Số Tổ bảo vệ ANTT	Số thành viên	Số Tổ bảo vệ ANTT	Số thành viên	Số Tổ bảo vệ ANTT	Số thành viên
1.	Thị trấn Vũ Thư	5			1	4	1	4
2.	Xã Bách Thuận	9	1	3	4	12		
3.	Xã Đồng Thanh	7			2	6	1	4
4.	Xã Dũng Nghĩa	4	1	3			1	4
5.	Xã Duy Nhất	10	1	3	3	9	1	4
6.	Xã Hiệp Hòa	3	1	3			1	4
7.	Xã Hòa Bình	9			3	9	1	4
8.	Xã Hồng Lý	6			3	9		
9.	Xã Hồng Phong	9			3	9	1	4
10.	Xã Minh Khai	5	3	9			1	4
11.	Xã Minh Lãng	7	5	15			1	4
12.	Xã Minh Quang	5	3	9	1	3		
13.	Xã Nguyên Xá	4	2	6	1	3		
14.	Xã Phúc Thành	8			4	12		
15.	Xã Song An	8	1	3	2	6	1	4



16.	Xã Song Lãng	7	2	6	1	3	1	4
17.	Xã Tam Quang	5	1	3	2	6		
18.	Xã Tân Hòa	6	2	6	2	6		
19.	Xã Tân Lập	6	3	9			1	4
20.	Xã Tân Phong	7	4	12			1	4
21.	Xã Trung An	4	2	6			1	4
22.	Xã Tự Tân	9			3	9	1	4
23.	Xã Việt Hùng	7	5	15			1	4
24.	Xã Việt Thuận	9	1	3	4	12		
25.	Xã Vũ Đoài	11			4	12	1	4
26.	Xã Vũ Hội	9	2	6	2	6	1	4
27.	Xã Vũ Tiến	11	1	3	5	15		
28.	Xã Vũ Vân	6	1	3	1	3	1	4
29.	Xã Vũ Vinh	5	1	3	2	6		
30.	Xã Xuân Hòa	8			4	12		
